

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị THEO DÕI Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD) Vượt qua năm 2022 đầy thách thức

Giá hiện tại:	17,400	Ngày viết báo cáo:	28/06/2022	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu	19,800	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	421,129	VIETNAM OIL & GAS GROUP	50.46%
Tỷ suất cổ tức	- %	Vốn hóa (tỷ đồng)	9.749	EATON VANCE CORPORATION	0.1%
Tiềm năng tăng giá	13.9%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	12,837,910	LEMANIK ASSET MANAGEMENT	0.1%
		Sở hữu nước ngoài	16.16%	PHẠM TIẾN DŨNG	0.04%

Chuyên viên phân tích ngành:

Dương Quang Minh
(Dầu khí)

minhdq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 24,000

Giá cắt lỗ: 18,000

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



Định giá

- Chúng tôi khuyến nghị **THEO DÕI** đối với cổ phiếu PVD với giá mục tiêu năm 2022 là **19,800 VND/CP**, upside 13.9% so với mức giá ngày 27/06/2022 dựa trên phương pháp P/B và EV/EBITDA với tỷ trọng là 50% - 50%.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo DTT và LNST năm 2022 đạt lần lượt là **4,976 tỷ VND (+25% YoY)** và **48 tỷ VND (+30% YoY)**, EPS FW = **61 VND/CP** với giả định (1) Hiệu suất hoạt động (HSHĐ) giàn khoan tự nâng năm 2022 đạt mức trung bình 77%, (2) Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 đạt 60 nghìn USD/ngày (+15% YoY), và (3) Trích lập dự phòng thêm 54 tỷ VND phải thu từ đối tác KrisEnergy.

Quan điểm đầu tư

- Các giàn khoan tự nâng được đảm bảo hoạt động nhờ giá dầu tăng cao.
- Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng vẫn ở mức thấp hơn so với khu vực.
- Chuỗi dự án Lô B – Ô Môn nếu được triển khai có thể đem lại nguồn công việc lớn cho PVD giai đoạn 2023 – 2024.

Rủi ro

- Giá dầu biến động mạnh ảnh hưởng tới giá thuê giàn và lợi nhuận của PVD.
- HSHĐ trung bình các giàn khoan tự nâng thấp hơn kỳ vọng.

Cập nhật doanh nghiệp

- Trong quý 1 2022, **doanh thu thuần của PVD đạt 1,146 tỷ VND (108% YoY)**, và **lỗ sau thuế 75 tỷ VND** (cùng kỳ lỗ 110 tỷ VND). Doanh thu quý 1 tăng so với cùng kỳ do giàn khoan TAD bắt đầu hoạt động từ tháng 1, và có thêm 1 giàn khoan thuê ngoài. Tuy nhiên, PVD vẫn ghi nhận lỗ do (1) hiệu suất sử dụng giàn khoan chỉ đạt 60%, với giàn II có 2.5 tháng không hoạt động và giàn VI có 3 tháng không hoạt động, (2) đơn giá cho thuê các giàn khoan tự nâng vẫn ở mức thấp, và (3) Các công ty liên doanh thua lỗ trong quý 1.

	2020	2021	2022F	VN-Index
PE (x)	75.5	-583.3	342.8	12.7
PB (x)	0.5	0.8	0.7	2.0
PS (x)	1.8	2.3	2.1	3.5
ROE (%)	1.3	0.3	0.4	14.7
ROA (%)	0.9	0.2	0.2	6.6
EV/ EBITDA (x)	12.5	13.6	14.4	N/A

	2018	2019	2020	2021F
Doanh thu	5,500	4,368	5,228	4,678
Lợi nhuận gộp	397	450	328	263
Lợi nhuận sau thuế	197	184	184	40
EPS	396	304	278	61
Tăng trưởng EPS	435%	-23%	-9%	-78%
Nợ ròng/ VCSH	28%	27%	28%	26%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 1: Cập nhật tình hình kinh doanh Q1.2021

Tỷ đồng	Q1/22	Q1/21	%YoY	Nhận xét
Doanh thu thuần	1,146	550	108%	Doanh thu thuần của PVD đạt 1,146 tỷ VND (108% YoY), và lỗ sau thuế 75 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 110 tỷ VND). Doanh thu quý 1 tăng so với cùng kỳ do giàn khoan TAD bắt đầu hoạt động từ tháng 1, và có thêm 1 giàn khoan thuê ngoài. Tuy nhiên, PVD vẫn ghi nhận lỗ do (1) hiệu suất sử dụng giàn khoan chỉ đạt 60%, với giàn II có 2.5 tháng không hoạt động và giàn VI có 3 tháng không hoạt động, (2) đơn giá cho thuê các giàn khoan tự nâng vẫn ở mức thấp, và (3) Các công ty liên doanh thua lỗ trong quý 1.
- Dịch vụ khoan	748	237	216%	
- Thương mại	9	102	-91%	
- Khác	389	212	84%	
Lợi nhuận gộp	70	-28		Do chi phí cố định bào mòn LN gộp, mảng khoan ghi nhận khoản lỗ gộp là 75 tỷ đồng (-215% YoY), dẫn đến mức tổng lỗ gộp là 27,8 tỷ đồng trong Q1/21.
GPM	6%	-5%		
Lãi/lỗ từ CTDLK	-5	10		
CP bán hàng	1	1	-3%	
CP QLDN	86	84	3%	Chi phí tài chính giảm đáng kể (-46.1% YoY) nhờ tỷ giá ổn định trong Q1/21. PVD chỉ ghi nhận 2,3 tỷ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá trong Q1/21 so với mức 36,6 tỷ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá trong Q1/20.
SG&A/Rev	8%	15%		
EBIT	-18	-113		
DT tài chính	27	42	-35%	
CP tài chính	-56	-43	29%	
LN khác	-14	-2	678%	
LNTT	-65	-107		
LNST	-75	-110		

Nguồn: PVD, BSC Research

PVD đang còn khoản nợ xấu gần 180 tỷ VND, trong đó 89 tỷ VND là của công ty con của KrisEnergy. Ban lãnh đạo cho biết, PVD dự kiến có thể lỗ thêm khoảng 49 tỷ VND trong quý 2 do trích lập 20% (17 tỷ VND) dự phòng khách hàng Kris Energy và trích trước một số chi phí sửa chữa.

Ban lãnh đạo đặt kế hoạch thận trọng cho năm 2022 với doanh thu 4.700 tỷ đồng (+9% YoY), và lợi nhuận hợp nhất không ghi nhận thua lỗ. Lãi sau thuế Công ty mẹ dự kiến 45 tỷ đồng. Tổng chi phí đầu tư trong năm 2022 dự kiến đạt 315 tỷ VND, chủ yếu là các khoản mục đầu tư liên quan đến hoạt động sửa chữa và mua sắm thiết bị trên giàn khoan. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, PVD thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 10% bằng cổ phiếu.

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2022

Trong năm 2022, các giàn khoan đã được tái khởi động tại các thị trường nước ngoài. Hiện nay có 3/6 giàn khoan thuộc sở hữu của PV Drilling đang cung cấp dịch vụ tại thị trường nước ngoài. Trong đó:

- Giàn khoan biển tự nâng PV DRILLING III làm việc cho khách hàng Repsol Malaysia từ quý 4/2021, kéo dài sang năm 2022.
- Giàn khoan PV DRILLING V (TAD) bắt đầu hoạt động trở lại từ cuối tháng 1 thông qua hợp đồng khoan với BSP tại Brunei.
- Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 được đưa vào thực hiện dự án khoan cho khách hàng GBRS tại Algeria, đảm bảo việc làm tới hết quý 3/2022.

Bên cạnh đó, các giàn khoan đang hoạt động trong nước vẫn tiếp tục đảm bảo nguồn việc làm ổn định. Giàn PVD I và PVD II đang phục vụ cho các chiến dịch khoan của Vietsovpetro (VSP), còn giàn PVD VI mỗi quý sẽ lần lượt thực hiện khoan cho ENI, Premier Oil Việt Nam hay Cửu Long JOC. Ngoài ra, PV Drilling cũng thuê thêm 1 giàn khoan tự nâng để cung cấp tại thị trường Việt Nam từ cuối năm 2021, dự kiến kéo dài đến đầu tháng 7/2022.

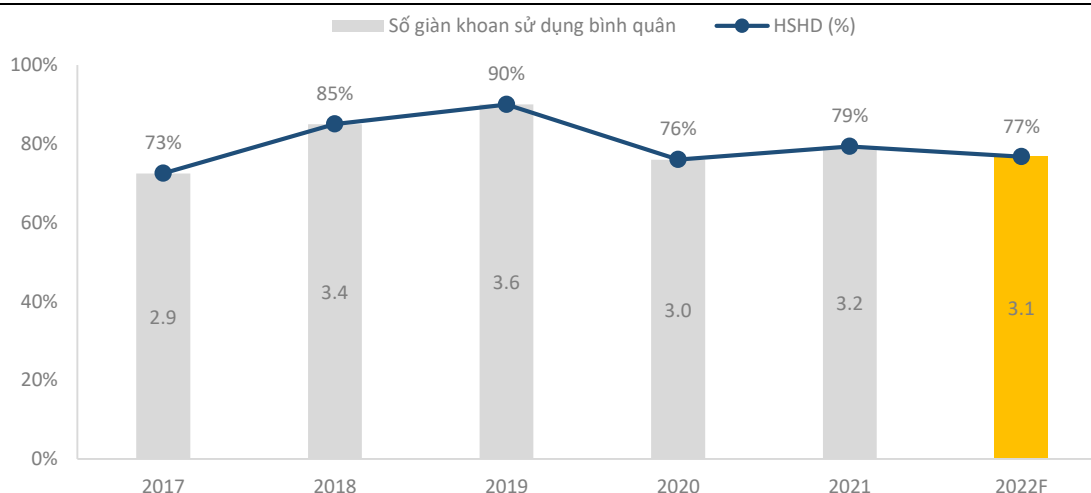
Bảng 1: Cập nhật lịch khoan dự kiến năm 2022 của PVD

	Q1	Q2	Q3	Q4
PVD I	VSP			VSP
PVD II		VSP	Premier Oil Indo	HLHV
PVD III	Repsol – BOC			
PVD VI	ENI	POVO		CLJOC
Giàn TAD		BSP		
Landrig 11	GBRS			
Hakuryu-11	Idemitsu			

Nguồn: PVD, BSC Research

Giá dầu tăng cao giúp cải thiện nhu cầu sử dụng giàn khoan tự nâng tại khu vực, từ đó đảm bảo nguồn công việc ổn định cho PVD. Theo IHS Markit, có tới 47 giàn khoan đã có hợp đồng trong tổng số 58 giàn khoan có thể làm việc tại khu vực Đông Nam Á tính đến tháng 5, nâng hiệu suất hoạt động của các giàn khoan lên 81% (so với 71% cùng kỳ). Trong bối cảnh giá dầu duy trì ở mức cao như hiện nay, nhu cầu huy động giàn khoan nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng, qua đó đem lại thêm nguồn việc làm cho các nhà cung cấp dịch vụ khoan như PVD. Với việc các dàn tự nâng dự kiến có việc làm đầy đủ cho tới hết năm, **BSC dự báo hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng của PVD trong thời gian tới sẽ tăng trở lại và đạt mức trung bình 77% cho cả năm 2022.**

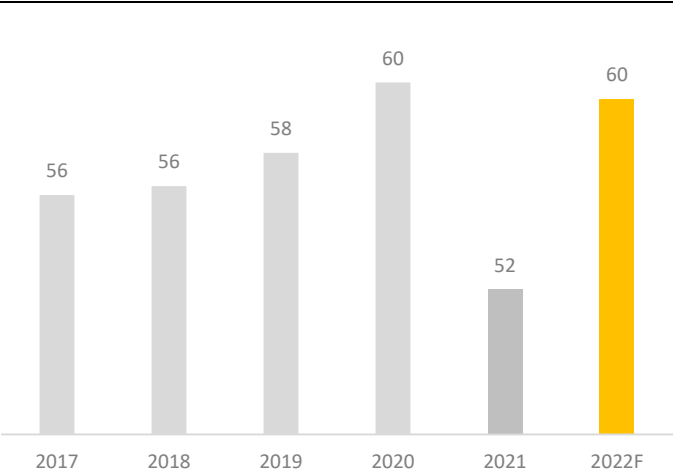
Hình 1: Biên LNG mảng DV Khoan giảm mạnh trong Q1.2021



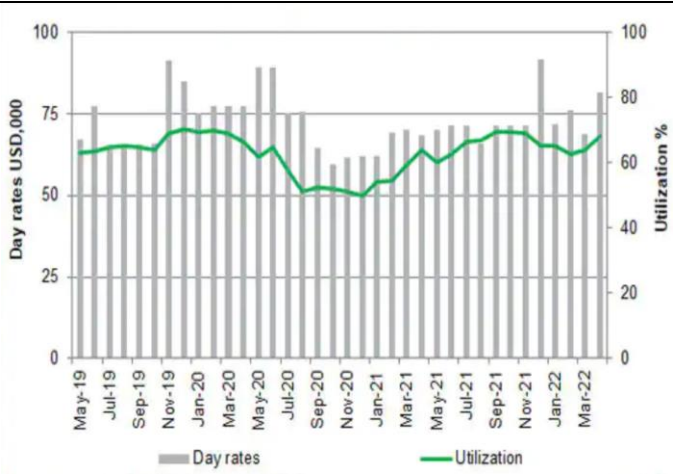
Nguồn: PVD, BSC Research

Tuy vậy, **giá thuê ngày giàn khoan tự nâng vẫn ở mức thấp hơn so với khu vực**. Giá thuê giàn khoan ở khu vực trong quý 1/2022 dao động quanh mức 70-80,000 USD/ngày. Trong khi đó, ban lãnh đạo PVD cho biết giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD trong quý 1 chỉ đạt trung bình khoảng 57,000 USD/ngày, và dự kiến tới tháng 8 mới có thể tiến hành điều chỉnh giá. Đối với các công ty dịch vụ khoan, sự tác động sẽ có độ trễ nhất định do các đối tác cần thời gian để khởi động lại các hoạt động thăm dò & khai thác (E&P). Do đó, BSC cho rằng giá thuê ngày của PVD sẽ phục hồi trở lại kể từ quý 3/2022, và đạt mức trung bình năm 2022 là 60,000 USD/ngày (+15% YoY).

Hình 2: Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD (nghìn USD/ngày)



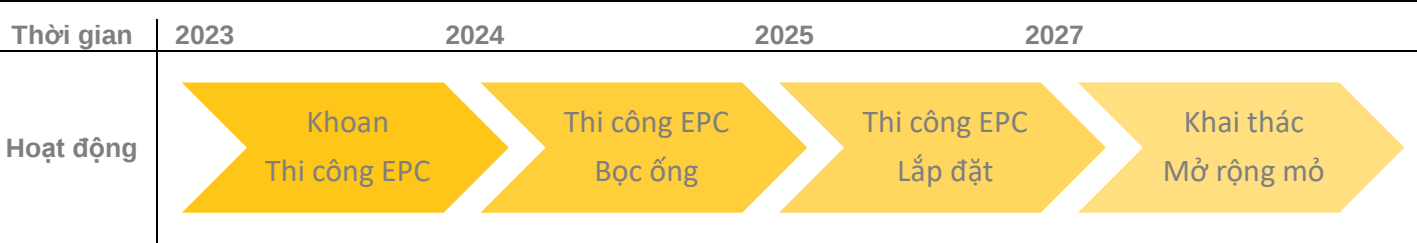
Hình 3: HSHĐ và giá thuê giàn khoan tự nâng khu vực ĐNA đang có xu hướng phục hồi



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, BSC Research

Chuỗi dự án Lô B – Ô Môn nếu được chấp thuận triển khai có thể đem lại nguồn công việc lớn cho PVD giai đoạn 2023 – 2024. Lô B - Ô Môn là một trong những dự án khai thác khí lớn nhất tại Việt Nam, có tổng vốn đầu tư lên tới 10 tỷ USD với nhiều dự án thành phần từ khâu thượng nguồn đến hạ nguồn. Sau nhiều năm bị trì hoãn, dự kiến Chuỗi dự án khí - điện Lô B - Ô Môn sẽ có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào quý 3/2022 (tham khảo [báo cáo ngành dầu khí](#)). Với quy mô hơn 700 giếng khai thác, BSC kỳ vọng dự án có thể mang lại nhiều cơ hội việc làm cho PVD trong giai đoạn triển khai thi công EPC và giếng khoan (dự kiến 2023 – 2024).

Hình 4: Dự kiến tiến độ dự án Lô B – Ô Môn (nếu được chấp thuận)



Nguồn: BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng KQKD năm 2022 của PVD đạt DTT và LNST lần lượt là **4,976 tỷ VND (+25% YoY)** và **48 tỷ VND (+30% YoY)**, EPS FW = **61 VND/CP** với giả định:

- Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 77%
- Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 đạt 60 nghìn USD/ngày (+15% YoY)
- Số giàn khoan thuê ngoài trung bình tăng từ 0.3 giàn năm 2021 lên 0.8 giàn do nhu cầu khoan trong khu vực tăng trở lại.
- Trích lập dự phòng thêm 54 tỷ VND phải thu từ đối tác KrisEnergy.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của PVD

Đv: Tỷ VND	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	4,368	5,228	3,995	4,976
- Dịch vụ khoan	2,176	3,074	1,848	2,593
- Thương mại	425	329	490	540
- Khác	1,768	1,831	1,668	1,844
Giá vốn hàng bán	(3,918)	(4,900)	(3,624)	(4,606)
Lợi nhuận gộp	450	328	371	371
<i>Biên LN gộp</i>	<i>10.3%</i>	<i>6.3%</i>	<i>9.3%</i>	<i>7.4%</i>
CP bán hàng	(17)	(16)	(13)	(16)
CP QLDN	(397)	(315)	(386)	(399)
<i>SG&A/DTT</i>	<i>9.5%</i>	<i>6.3%</i>	<i>10.0%</i>	<i>8.3%</i>
DT tài chính	165	159	164	129
CP tài chính	(241)	(202)	(171)	(163)
Thu nhập khác	118	30	(7)	15
LNTT	189	200	62	61
LNST	172	181	37	48
EPS	304	278	(36)	61

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC khuyến nghị **THEO DÕI** cổ phiếu PVD với giá mục tiêu **19,800 VND/CP** (tương đương **upside 13.9%** so với giá đóng cửa ngày 27/06/2022 là 17,400 VND/CP) dựa trên phương pháp P/B và EV/EBITDA với tỷ trọng là 50% - 50%.

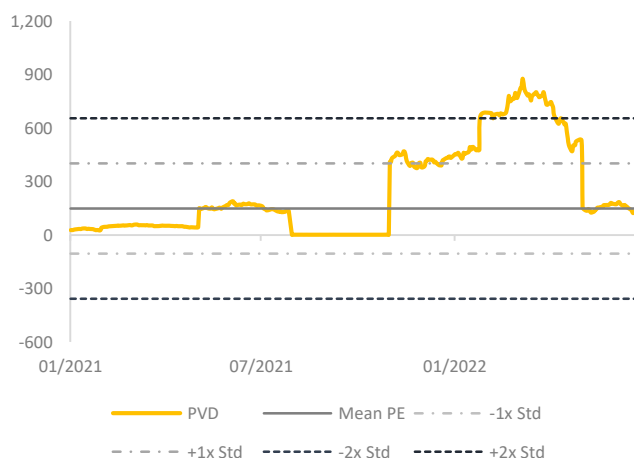
Phương pháp	Định giá (VND/CP)	Tỷ trọng (%)	Giá bình quân
P/B với P/B mục tiêu 0.8x	21,494	50%	10,747
EV/EBITDA	18,149	50%	9,075
Giá mục tiêu (VND/ CP)			19,822
Giá đóng cửa ngày 27/06/2022			17,400
Upside			13.9%

Phương pháp EV/EBITDA	
EBITDA 2022F (tỷ VND)	879
EV/EBITDA (x)	11.0
Giá trị doanh nghiệp	9,669
(+) Tiền và tương đương tiền	3,014
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn	3,511
Giá trị vốn chủ sở hữu	9,172
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	505
Giá mục tiêu	18,149

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Stock PE

Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	4,368	5,228	3,995	4,976
Giá vốn hàng bán	-3,918	-4,900	-3,624	-4,606
Lợi nhuận gộp	450	328	371	371
Chi phí bán hàng	-17	-16	-13	-16
Chi phí QLDN	-397	-315	-386	-399
Lãi/lỗ HĐKD	37	-3	-27	-45
Doanh thu tài chính	165	159	164	129
Chi phí tài chính	-241	-202	-171	-163
Chi phí lãi vay	-158	-119	-109	-130
Lợi nhuận từ CTLD/LK	111	216	104	124
Lãi/lỗ khác	118	30	-7	15
Lợi nhuận trước thuế	189	200	62	61
Thuế thu nhập DN	-17	-19	-26	-13
LN sau thuế	172	181	37	48
CĐTS	-12	-4	17	4
LNST - CĐTS	184	184	20	44
EBITDA	938	822	708	879
EPS	304	278	-36	61

	2019	2020	2021	2022F
(Lỗ)/LNTT	189	200	62	61
Khấu hao	591	503	534	688
Thay đổi VLĐ	-640	-98	-745	205
Điều chỉnh khác	-217	-292	-229	-278
LCTT từ HĐ KD	-77	313	-376	676
Tiền chi mua TSCĐ	-53	-552	-608	-88
Tiền từ đầu tư khác	-170	-700	1,065	194
LCTT từ HĐ Đầu tư	-223	-1,252	457	106
Tiền chi trả cổ tức	-3	-3	-3	0
Vay ròng	-85	114	89	-443
Tiền thu khác	0	0	0	0
LCTT từ HĐ Tài chính	-87	127	151	-443
Dòng tiền đầu kỳ	2,265	1,890	925	1,131
Tiền trong kì	-388	-812	232	339
Dòng tiền cuối kỳ	1,890	1,078	1,131	1,469

	2019	2020	2021	2022F
Tiền & tương đương tiền	1,890	1,075	1,131	1,469
Đầu tư ngắn hạn	1,033	1,197	1,544	1,544
Phải thu ngắn hạn	1,907	1,806	1,936	1,266
Tồn kho	835	959	758	684
TS ngắn hạn khác	39	78	60	670
TS ngắn hạn	5,705	5,114	5,429	5,633
TS hữu hình	23,378	23,361	23,187	23,336
Khấu hao	-9,611	-10,039	-10,402	-11,116
TS dở dang dài hạn	28	206	921	967
Đầu tư dài hạn	1,051	1,790	602	632
TS dài hạn khác	157	229	797	325
TS dài hạn	15,187	15,739	15,332	14,347
Tổng TS	20,892	20,853	20,761	19,981
Phải trả ngắn hạn	836	695	780	555
Vay ngắn hạn	521	635	748	498
Nợ ngắn hạn khác	1,505	1,474	1,502	1,636
Tổng Nợ ngắn hạn	2,862	2,804	3,030	2,689
Vay dài hạn	3,230	3,231	3,206	3,013
Nợ dài hạn khác	831	779	693	701
Tổng Nợ dài hạn	4,061	4,010	3,899	3,714
Tổng Nợ	6,923	6,814	6,930	6,403
Vốn góp	4,215	4,215	4,215	5,051
Thặng dư vốn cổ phần	2,434	2,434	2,434	2,434
LN chưa phân phối	3,805	1,936	1,923	1,072
Vốn chủ khác	3,267	5,206	5,020	4,778
Cổ đông thiểu số	247	247	240	242
Tổng VCSH	13,968	14,039	13,832	13,577
Tổng nguồn vốn	20,892	20,853	20,761	19,981
Số CP lưu hành (triệu)	421	421	421	505

	2019	2020	2021	2022F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	0.82	0.75	0.78	0.88
Hsố TT nhanh	0.70	0.61	0.67	0.77
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTTS	33%	33%	33%	32%
Hsố Nợ/VCSH	50%	49%	50%	47%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	74.31	66.84	74.26	57.13
Số ngày phải thu	134.40	85.89	78.08	82.19
Số ngày phải trả	82.26	55.64	61.82	53.76
CCC	126.45	97.09	90.52	85.56
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	10%	6%	9%	7%
Lợi nhuận LNST	4%	3%	1%	1%
ROE	1%	1%	0.3%	0.4%
ROA	1%	1%	0.2%	0.2%
Định Giá				
PE	18.6	27.3	59	59
PB	0.5	0.5	0.8	0.7
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-21%	20%	-24%	25%
Tăng trưởng EBIT	-14%	-8%	-46%	11%
Tăng trưởng LNTT	-19%	6%	-69%	-3%
Tăng trưởng EPS	-23%	-9%	-113%	-270%

Nguồn: BSC Research

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Giá mục tiêu: 24,000

Giá cắt lỗ: 18,000

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu và đang có dấu hiệu đảo chiều
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, hồi phục từ vùng quá bán

Nhận định: PVD đang nằm trong quá trình hình thành xu hướng hồi phục. Thanh khoản cổ phiếu nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên, và các phiên tăng điểm đều có mức thanh khoản yếu. Hiện tượng này cho thấy lực mua vẫn chưa đủ để áp đảo lực bán và xu hướng tăng chưa hình thành. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang cho thấy tín hiệu chuyển dần sang xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu vẫn đang kiểm tra lại đường MA20, nếu vượt lên có thể hình thành xu hướng tăng giá ngắn hạn. PVD đang trong quá trình xác định xu hướng tăng. Nếu cổ phiếu thành công vượt ngưỡng 19.0 với mức thanh khoản lớn nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá này và chốt lãi tại ngưỡng 24.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 18.0.



Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

